

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ TOÁN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT -XH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MN GIAI ĐOẠN (từ năm 2021 đến năm 2025)
CỦA XÃ BA ĐỘNG

(Kèm theo Công văn số 1603/UBND ngày 27/8/2026 của UBND xã Ba Động)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị/Chỉ tiêu	Dự toán được sử dụng/được chi trong năm							Dự toán giữ lại theo chế độ	Lũy kế chi từ đầu năm			Dự toán được chuyển sang năm sau				Dự toán hủy bỏ	Ghi chú	
		Tổng số	Chia ra							Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra					
			Dự toán năm trước chuyển sang					Dự toán giao đầu năm			Dự toán điều chỉnh	Thực chi		Dự tạm ứng chưa thanh toán	Dự toán được chuyển sang năm sau	Dự cam kết chi chuyển sang năm sau			Dự tạm ứng được chuyển năm sau
			Tổng cộng	Chia ra															
				Dự dự toán năm trước chuyển sang	Dự cam kết chi năm trước chuyển sang	Dự tạm ứng năm trước chuyển sang													
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	TỔNG CỘNG	38.356,183	16.492,633	16.492,633	0,000	0,000	18.841,500	3.022,050	0,000	12.860,727	12.860,727	0,000	25.495,456	25.495,456	0,000	0,000	0		
I	Năm 2021 (Không được bố trí vốn)																		
II	Năm 2022	1.353,000	0,000	0,000	0,000	0,000	1.353,000	0,000		430,056	430,056	0,000	922,944	922,944	0,000	0,000	0		
1	Nguồn vốn sự nghiệp	1.353,000	0,000	0,000	0,000	0,000	1.353,000	0,000	0,000	430,056	430,056	0,000	922,944	922,944	0,000	0,000	0,000		
1.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	216,000	0,000	0,000			216,000	0,000		190,300	190,300	0,000	25,700	25,700	0,000				
1.2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000		
1.3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	604,000	0,000	0,000	0,000	0,000	604,000	0,000	0,000	3,176	3,176	0,000	600,824	600,824	0,000	0,000	0,000		
1.3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	0,000	0,000				0,000	0,000		0,000		0,000	0,000	0,000					
1.3.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	604,000	0,000				604,000			3,176	3,176	0,000	600,824	600,824	0,000				
1.4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	237,000	0,000	0,000	0,000	0,000	237,000	0,000	0,000	236,580	236,580	0,000	0,420	0,420	0,000	0,000	0,000		
1.4.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	237,000	0,000				237,000			236,580	236,580	0,000	0,420	0,420	0,000				
1.5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	0,000	0,000				0,000	0,000		0,000		0,000	0,000		0,000				
1.5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	0,000	0,000							0,000		0,000	0,000		0,000				
1.5.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	0,000	0,000							0,000		0,000	0,000						
1.5.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	0,000	0,000							0,000		0,000	0,000						
1.5.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	0,000	0,000							0,000		0,000	0,000						
1.6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	0,000	0,000				0,000	0,000											
1.7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	0,000	0,000				0,000	0,000											
1.8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	0,000	0,000				0,000	0,000											
1.9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	296,000	0,000	0,000	0,000	0,000	296,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	296,000	296,000	0,000	0,000	0,000		
1.9.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	296,000	0,000				296,000			0,000	0,000		296,000	296,000					
1.9.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,000	0,000				0,000	0,000		0,000		0,000	0,000	0,000					
1.10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000		0,000		0,000	0,000		0,000				

1.10.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình	0,000	0,000				0,000	0,000		0,000		0,000	0,000		0,000	
1.10.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,000	0,000				0,000	0,000								
1.10.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	0,000	0,000				0,000	0,000		0,000		0,000	0,000		0,000	
2	Nguồn ĐTXD	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
2.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
2.2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	0,000	0,000							0,000						
2.3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	0,000	0,000							0,000						
2.4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	0,000	0,000							0,000						
III	Năm 2023	8.307,944	922,944	922,944	0,000	0,000	7.385,000	0,000	0,000	3.121,130	3.121,130	0,000	5.186,814	5.186,814	0,000	
1	Nguồn vốn sự nghiệp	7.614,944	922,944	922,944	0,000	0,000	6.692,000	0,000	0,000	2.428,130	2.428,130	0,000	5.186,814	5.186,814	0,000	
1.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	655,700	25,700	25,700			630,000			533,327	533,327	0,000	122,373	122,373	0,000	
1.2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
1.3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	4.474,824	600,824	600,824	0,000	0,000	3.874,000	0,000	0,000	992,699	992,699	0,000	3.482,125	3.482,125	0,000	
1.3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	80,000	0,000	0,000			80,000			80,000	80,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
1.3.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.394,824	600,824	600,824			3.794,000			912,699	912,699	0,000	3.482,125	3.482,125	0,000	
1.4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	910,420	0,420	0,420	0,000	0,000	910,000	0,000	0,000	841,284	841,284	0,000	69,136	69,136	0,000	
1.4.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	910,420	0,420	0,420			910,000			841,284	841,284	0,000	69,136	69,136	0,000	
1.5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	0,000	0,000				0,000	0,000	0,000	0,000		0,000	0,000	0,000		
1.5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	0,000	0,000				0,000	0,000								
1.5.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	0,000	0,000				0,000	0,000								
1.5.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	0,000	0,000				0,000	0,000								
1.5.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	0,000	0,000				0,000	0,000								
1.6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	0,000	0,000				0,000	0,000								
1.7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	0,000	0,000				0,000	0,000								
1.8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	458,000	0,000				458,000	0,000		60,820	60,820		397,180	397,180		
1.9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	1.116,000	296,000	296,000	0,000	0,000	820,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	1.116,000	1.116,000	0,000	0,000
1.9.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	1.116,000	296,000	296,000			820,000	0,000		0,000	0,000	0,000	1.116,000	1.116,000	0,000	
1.9.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,000	0,000	0,000			0,000	0,000		0,000		0,000	0,000	0,000	0,000	
1.10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	0,000	0,000							0,000		0,000	0,000	0,000		

1.10.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình	0,000	0,000						0,000		0,000	0,000		0,000			
1.10.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,000	0,000						0,000		0,000	0,000		0,000			
1.10.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	0,000	0,000						0,000		0,000	0,000		0,000			
2	Nguồn ĐTXD	693,000	0,000	0,000	0,000	0,000	693,000	0,000	0,000	693,000	693,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
2.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	350,000	0,000	0,000	0,000	0,000	350,000	0,000	0,000	350,000	350,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
-	Hỗ trợ nhà ở (8 hộ)	350,000	0,000				350,000			350,000	350,000	0,000	0,000		0,000		
2.2	Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
2.3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	343,000	0,000	0,000	0,000	0,000	343,000	0,000	0,000	343,000	343,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
2.3.1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	343,000	0,000	0,000	0,000	0,000	343,000	0,000	0,000	343,000	343,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
-	Đường BTXM từ trường TH&THCS đến Nhà văn hóa thôn Hương Chiên	343,000	0,000				343,000			343,000	343,000	0,000	0,000		0,000		
2.4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
2.5	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
IV	Năm 2024	14.202,814	5.186,814	5.186,814	0,000	0,000	6.708,000	2.308,000	0,000	3.819,939	3.819,939	0,000	10.382,875	10.382,875	0,000	0,000	0,000
1	Nguồn vốn sự nghiệp	9.680,814	5.186,814	5.186,814	0,000	0,000	4.494,000	0,000	0,000	544,924	544,924	0,000	9.135,890	9.135,890	0,000	0,000	0,000
1.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	796,373	122,373	122,373			674,000	0,000		76,265	76,265	0,000	720,108	720,108	0,000		
1.2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
1.3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	6.184,125	3.482,125	3.482,125	0,000	0,000	2.702,000	0,000	0,000	286,442	286,442	0,000	5.897,683	5.897,683	0,000	0,000	0,000
1.3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	195,000	0,000	0,000	0,000	0,000	195,000			81,012	81,012	0,000	113,988	113,988	0,000		
1.3.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	5.989,125	3.482,125	3.482,125	0,000	0,000	2.507,000			205,430	205,430	0,000	5.783,695	5.783,695	0,000		
1.4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	619,136	69,136	69,136	0,000	0,000	550,000	0,000	0,000	156,337	156,337	0,000	462,799	462,799	0,000	0,000	0,000
1.4.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	619,136	69,136	69,136			550,000			156,337	156,337	0,000	462,799	462,799	0,000		
1.5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	0,000					0,000										
1.5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	0,000					0,000										
1.5.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,000					0,000										
1.5.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	0,000					0,000										
1.5.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	0,000					0,000										
1.6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	0,000					0,000										
1.7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	0,000					0,000										
1.8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	965,180	397,180	397,180			568,000			25,880	25,880	0,000	939,300	939,300	0,000		
1.9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	1.116,000	1.116,000	1.116,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	1.116,000	1.116,000	0,000	0,000	

1.9.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	1.116,000	1.116,000	1.116,000			0,000			0,000	0,000		1.116,000	1.116,000				
1.9.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,000	0,000	0,000			0,000			0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000			
1.10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
1.10.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình	0,000	0,000							0,000		0,000	0,000		0,000			
1.10.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,000	0,000							0,000		0,000	0,000		0,000			
1.10.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	0,000	0,000							0,000		0,000	0,000		0,000			
2	Nguồn ĐT XD	4.522,000	0,000	0,000	0,000	0,000	2.214,000	2.308,000	0,000	3.275,015	3.275,015	0,000	1.246,985	1.246,985	0,000	0,000	0,000	
2.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	187,000	0,000	0,000	0,000	0,000	170,000	17,000	0,000	187,000	187,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
-	Hỗ trợ nhà ở (04 hộ)	187,000	0,000				170,000	17,000		187,000	187,000	0,000	0,000		0,000		0	
2.2	Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
2.3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	4.335,000	0,000	0,000	0,000	0,000	2.044,000	2.291,000	0,000	3.088,015	3.088,015	0,000	1.246,985	1.246,985	0,000	0,000	0,000	
2.3.1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.335,000	0,000	0,000	0,000	0,000	2.044,000	2.291,000	0,000	3.088,015	3.088,015	0,000	1.246,985	1.246,985	0,000	0,000	0,000	
	Đường BTXM từ trường TH&THCS đến Nhà văn hóa thôn Hương Chiên	733,000	0,000					733,000		699,942	699,942		33,058	33,058				
-	Nối tiếp tuyến đường BTXM từ nghĩa địa đi cánh đồng Đồng Nghệ	426,000	0,000				195,000	231,000		195,000	195,000	0,000	231,000	231,000	0,000			
	BTXM tuyến đường từ ngã ba Hành Tín Tây đến nhà bà Nguyệt	836,000	0,000				396,000	440,000		757,904	757,904		78,096	78,096				
	BTXM tuyến đường trường Tiểu học đến nhà bà tám Thu	1.111,000	0,000				546,000	565,000		1.046,131	1.046,131		64,869	64,869				
	BTXM tuyến đường nhà ông Bốn đến dốc Quýt	641,000	0,000				641,000			123,538	123,538		517,462	517,462				
-	Nối tiếp KCH kênh ruộng Y Nâu	588,000	0,000				266,000	322,000		265,500	265,500	0,000	322,500	322,500	0,000			
2.4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
2.5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
2.6	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
V	Năm 2025	14.492,425	10.382,875	10.382,875	0,000	0,000	3.395,500	714,050	0,000	5.489,602	5.489,602	0,000	9.002,823	9.002,823	0,000	0,000	0,000	
1	Nguồn vốn sự nghiệp	10.290,740	9.135,890	9.135,890	0,000	0,000	3.395,500	-2.240,650	0,000	1.717,546	1.717,546	0,000	8.573,194	8.573,194	0,000	0,000	0,000	
1.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	705,793	720,108	720,108			263,000	-277,315	0,000	0,000	0,000	0,000	705,793	705,793	0,000			Nộp trả theo KL thanh tra, kiểm toán 277,315 trđ
1.2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	0,000	0,000	0,000			0,000			0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000			
1.3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	6.935,037	5.897,683	5.897,683	0,000	0,000	2.110,000	-1.072,646		1.331,208	1.331,208	0,000	5.603,829	5.603,829	0,000			
1.3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	278,988	113,988	113,988			165,000	0,000		121,518	121,518	0,000	157,470	157,470	0,000			
1.3.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	6.656,049	5.783,695	5.783,695			1.945,000	-1.072,646		1.209,690	1.209,690	0,000	5.446,359	5.446,359	0,000			Nộp trả theo KL thanh tra, kiểm toán 1.072,646 trđ

1.4	Dự án 7: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	581,710	462,799	462,799	0,000	0,000	220,000	-101,089	0,000	340,938	340,938	0,000	240,772	240,772	0,000			
1.4.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	581,710	462,799	462,799	0,000	0,000	220,000	-101,089	0,000	340,938	340,938	0,000	240,772	240,772	0,000			Nộp trả theo KL thanh tra, kiểm toán 101,089 trđ
1.5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	58,500	0,000	0,000	0,000	0,000	58,500	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	58,500	58,500	0,000			
1.5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	0,000	0,000	0,000			0,000			0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000			
1.5.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	0,000	0,000	0,000			0,000			0,000	0,000		0,000	0,000	0,000			
1.5.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	58,500	0,000	0,000			58,500			0,000	0,000	0,000	58,500	58,500	0,000			
1.5.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	0,000	0,000	0,000			0,000			0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000			
1.6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	87,000	0,000	0,000			87,000			0,000	0,000	0,000	87,000	87,000	0,000			
1.7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	220,800	0,000	0,000			220,800	0,000		0,000	0,000		220,800	220,800				
1.8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	702,700	939,300	939,300			230,000	-466,600		45,400	45,400	0,000	657,300	657,300	0,000			Nộp trả theo KL thanh tra, kiểm toán -466,6
1.9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	808,000	1.116,000	1.116,000	0,000	0,000	15,000	-323,000		0,000	0,000	0,000	808,000	808,000	0,000			
1.9.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	793,000	1.116,000	1.116,000			0,000	-323,000		0,000	0,000	0,000	793,000	793,000	0,000			Nộp trả theo KL thanh tra, kiểm toán 323 trđ
1.9.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	15,000	0,000	0,000			15,000	0,000		0,000	0,000	0,000	15,000	15,000	0,000			
1.10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	191,200	0,000	0,000	0,000	0,000	191,200			0,000	0,000	0,000	191,200	191,200	0,000			
-	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình	122,000	0,000				122,000			0,000	0,000	0,000	122,000	122,000	0,000			
-	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	34,100	0,000				34,100			0,000	0,000		34,100	34,100	0,000			
-	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	35,100	0,000				35,100			0,000	0,000	0,000	35,100	35,100	0,000			
2	Nguồn DTXD	4.201,685	1.246,985	1.246,985	0,000	0,000	0,000	2.954,700	0,000	3.772,056	3.772,056	0,000	429,629	429,629	0,000	0,000		
2.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	0,000	0,000							0,000		0,000	0,000		0,000			
2.1	Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000		
2.2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	4.201,685	1.246,985	1.246,985	0,000	0,000	0,000	2.954,700	0,000	3.772,056	3.772,056	0,000	429,629	429,629	0,000	0,000		
2.2.1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.201,685	1.246,985	1.246,985	0,000	0,000	0,000	2.954,700	0,000	3.772,056	3.772,056	0,000	429,629	429,629	0,000	0,000		
-	Đường BTXM từ trường TH&THCS đến Nhà văn hóa thôn Hương Chiên	33,058	33,058	33,058				0,000		0,000	0,000	0,000	33,058	33,058	0,000	0,000		
-	Nối tiếp tuyến đường BTXM từ nghĩa địa đi cánh đồng Đồng Nghệ	258,700	231,000	231,000				27,700		249,725	249,725		8,975	8,975				
-	BTXM tuyến đường từ ngã ba Hành Tín Tây đến nhà bà Nguyệt	162,096	78,096	78,096				84,000		45,807	45,807		116,289	116,289				
-	BTXM tuyến đường trường Tiểu học đến nhà bà tám Thu	225,869	64,869	64,869				161,000		110,287	110,287		115,582	115,582				

-	BTXM tuyến đường nhà ông Bồn đến dốc Quýt	1.176,462	517,462	517,462				659,000		1.130,963	1.130,963		45,499	45,499				
-	Nối tiếp KCH kênh ruộng Y Nâu	352,500	322,500	322,500				30,000		322,093	322,093		30,407	30,407				
	Tuyến đường từ đèo Đá Chát đi trụ sở UBND xã	944,000	0,000	0,000				944,000		944,000	944,000		0,000	0,000				
	BTXM tuyến đường từ nhà Ông Trinh đến nhà Ông Hồ(Gò Ôn)	1.049,000	0,000	0,000				1.049,000		969,181	969,181		79,819	79,819				
2.3	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	0,000	0,000							0,000		0,000	0,000		0,000			
-	Công trình.....	0,000	0,000							0,000		0,000	0,000		0,000			
2.5	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	0,000	0,000							0,000		0,000	0,000		0,000			

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐB DTTS VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN 2025

(Kèm theo Công văn số 1603/UBND ngày 27/8/2026 của UBND xã Ba Động)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

STT	Đơn vị	Chi tiêu			Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	B	1=2+3	2=5+8+11+ 14+17	3=5+9+12+ 15+18	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Xã Ba Động	12.860,727	7.740,071	5.120,656	0,000	0,000	0,000	430,056	0,000	430,056	3.121,130	350,000	2.428,130	3.819,939	187,000	544,924	5.489,602	0,000	1.717,546
1	Nguồn vốn sự nghiệp	5.120,656	0,000	5.120,656	0,000	0,000	0,000	430,056	0,000	430,056	2.428,130	0,000	2.428,130	544,924	0,000	544,924	1.717,546	0,000	1.717,546
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	799,892		799,892	0,000			190,300		190,300	533,327		533,327	76,265		76,265	0,000		0,000
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	0,000		0,000	0,000			0,000		0,000	0,000		0,000	0,000		0,000	0,000		0,000
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	2.613,525		2.613,525	0,000			3,176	0,000	3,176	992,699	0,000	992,699	286,442	0,000	286,442	1.331,208	0,000	1.331,208
-	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	282,530		282,530	0,000			0,000		0,000	80,000		80,000	81,012		81,012	121,518		121,518
-	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.330,995		2.330,995	0,000			3,176		3,176	912,699		912,699	205,430		205,430	1.209,690		1.209,690
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	1.575,139		1.575,139	0,000			236,580	0,000	236,580	841,284	0,000	841,284	156,337	0,000	156,337	340,938	0,000	340,938
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.575,139		1.575,139	0,000			236,580		236,580	841,284		841,284	156,337		156,337	340,938		340,938
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	0,000		0,000	0,000			0,000		0,000	0,000			0,000			0,000		0,000
-	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBĐTTS	0,000		0,000	0,000			0,000		0,000	0,000			0,000			0,000		0,000
-	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	0,000		0,000	0,000			0,000		0,000	0,000			0,000			0,000		0,000
-	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	0,000		0,000	0,000			0,000		0,000	0,000			0,000			0,000		0,000
-	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	0,000		0,000	0,000			0,000		0,000	0,000			0,000			0,000		0,000
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	0,000		0,000	0,000			0,000		0,000	0,000			0,000			0,000		0,000
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	0,000		0,000	0,000			0,000		0,000	0,000			0,000			0,000		0,000
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	132,100		132,100	0,000			0,000		0,000	60,820		60,820	25,880		25,880	45,400		45,400
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	0,000		0,000	0,000			0,000		0,000	0,000		0,000	0,000		0,000	0,000		0,000
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	0,000		0,000	0,000			0,000			0,000		0,000	0,000		0,000	0,000		0,000

-	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,000		0,000	0,000			0,000			0,000			0,000		0,000		0,000	
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	0,000		0,000	0,000			0,000		0,000	0,000			0,000		0,000	0,000		0,000
-	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình	0,000		0,000	0,000			0,000			0,000			0,000			0,000		0,000
-	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,000		0,000	0,000			0,000			0,000			0,000			0,000		0,000
-	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	0,000		0,000	0,000			0,000			0,000			0,000			0,000		0,000
II	Nguồn ĐTXD	7.740,071	7.740,071	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	693,000	350,000	0,000	3.275,015	187,000	0,000	3.772,056	0,000	0,000
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	537,000	537,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	350,000	350,000	0,000	187,000	187,000	0,000	0,000	0,000	0,000
-	Hỗ trợ nhà ở	537,000	537,000		0,000			0,000	0,000		350,000	350,000		187,000	187,000		0,000	0,000	
2	Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	7.203,071	7.203,071	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	343,000		0,000	3.088,015		0,000	3.772,056		0,000
3.1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	7.203,071	7.203,071	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	343,000	343,000	0,000	3.088,015	3.088,015	0,000	3.772,056	3.772,056	0,000
	Đường BTXM từ trường TH&THCS đến Nhà văn hóa thôn Hương Chiên	1.042,942	1.042,942		0,000			0,000			343,000	343,000		699,942	699,942		0,000	0,000	
	Nối tiếp tuyến đường BTXM từ nghĩa địa di cảnh đồng Đồng Nghệ	444,725	444,725		0,000			0,000			0,000			195,000	195,000		249,725	249,725	
	BTXM tuyến đường từ ngã ba Hành Tín Tây đến nhà bà Nguyệt	803,711	803,711		0,000			0,000			0,000			757,904	757,904		45,807	45,807	
	BTXM tuyến đường trường Tiểu học đến nhà bà tám Thu	1.156,418	1.156,418		0,000			0,000			0,000			1.046,131	1.046,131		110,287	110,287	
	BTXM tuyến đường nhà ông Bốn đến đèo Quýt	1.254,501	1.254,501		0,000			0,000			0,000			123,538	123,538		1.130,963	1.130,963	
	Nối tiếp KCH kênh ruộng Y Nâu	587,593	587,593		0,000			0,000			0,000			265,500	265,500		322,093	322,093	
	Tuyến đường từ đèo Đá Chát đi trụ sở UBND xã	944,000	944,000		0,000			0,000			0,000			0,000			944,000	944,000	
-	BTXM tuyến đường từ nhà Ông Trinh đến nhà Ông Hồ(Gò Ôn)	969,181	969,181		0,000			0,000			0,000			0,000			969,181	969,181	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
6	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000